

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tím

2. Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị Th (là mẹ đẻ anh D), sinh năm 1939; địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ chị T), sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được khoảng ba năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau; vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh D ham chơi, hao hụt về tiền bạc. Vợ chồng lại không có con do không có tiền chạy chữa. Anh D còn xúc phạm và đánh chị. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau từ ngày 30/01/2018 cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng anh D, chị đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D không có con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh D và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã K xuống tại gia đình anh D để làm việc, nhưng anh D vắng mặt không có nhà. Bà Vũ Thị Th là mẹ đẻ của anh D cung cấp, anh D vẫn sinh sống cùng bà, anh D làm công việc lái xe, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh D có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Có lần anh D có tát chị T một cái, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh D đến tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh D đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tổ tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 của Bộ luật Dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Văn D. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Văn D kết hôn vào năm 2011. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, anh D không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay, nhưng anh D cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị T. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh D bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh D. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T xin được ly hôn anh Trần Văn D là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003900 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Kn, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn